

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nam Triệu – Xí nghiệp đóng tàu.
- Tên gói thầu: Cung cấp các công cụ dụng cụ và thiết bị phục vụ sản xuất ca nô
- Nguồn vốn: Nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng, 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 75 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực được chia thành 2 đợt giao hàng:

Đợt 1: Giao khối lượng các chủng loại theo yêu cầu, chi tiết tại mẫu số 1A Chương IV trong E-HSMT trong vòng 7 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Đợt 2: Giao khối lượng mời thầu còn lại trong thời gian 75 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

(Trong trường hợp trong thời hạn 75 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực mà nhà thầu chưa cung cấp được hàng hóa theo đúng yêu cầu, Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và nhà thầu phải có trách nhiệm bồi thường hợp đồng theo quy định).

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Đinh rút nhôm fi 4	fi 4
2	Đá cắt 100	fi 100
3	Đá mài 100	fi 100
4	Đá cắt 125	fi 125
5	Mũi khoan khoét sắt fi 85	fi 85
6	Mũi khoan fi 3	fi 3
7	Mũi khoan fi 10	fi 10
8	Mũi khoan khoét fi 23	fi 23
9	Mũi khoan khoét fi 27	fi 27
10	Mũi khoan khoét fi 50	fi 50
11	Mũi khoan inox fi 6.5	fi 6.5
12	Mũi khoan khoét fi 25	fi 25

13	Mũi khoan khoét fi 32	fi 32
14	Mũi khoan fi 8	fi 8
15	Mũi khoan khoét fi 45	fi 45
16	Mũi khoan fi 4	fi 4
17	Mũi khoan khoét sắt fi 45	fi 45
18	Vít chỏm cầu M4x15	Chất liệu inox 304
19	Vít tôn 4	
20	Bulong + ecu 6x30	Chất liệu inox 304
21	Bulong M8x40	Chất liệu inox 304
22	Bulong M10x30	Chất liệu inox 304
23	Bulong M10x50	Chất liệu inox 304
24	Bulong + ecu 4x20	Chất liệu inox 304
25	Bulong + ecu M8x30	Chất liệu inox 304
26	Bulong M8x25	Chất liệu inox 304
27	Vít cục dài	
28	Bulong M8x30	Chất liệu inox 304
29	Bulong M8x50	Chất liệu inox 304
30	Nở sắt M18x150	
31	Bulong + ecu M8x30	
32	Giẻ lau	
33	Kính hàn đen	
34	Vít M4x20	Chất liệu inox
35	Kính hàn trắng	
36	Vít M4x30	Chất liệu inox
37	Vít M4x40	Chất liệu inox
38	Mo hàn cầm tay	
39	Keo AB	
40	Keo kính A300	
41	Súng khò ga	
42	Lăn sơn	

43	Keo xám	
44	Sơn xịt	
45	Keo 502	
46	Đầu Cos 2.5 lỗ 8	2.5 lỗ 8
47	Đầu cos 1.5-2.5	1.5-2.5
48	Gen co nhiệt D6	D6
49	Cao su non	
50	Băng dính nano	
51	Đầu Cos 25 lỗ 8	25 lỗ 8
52	Gioăng cao su 3mm	
53	Gen nhiệt fi 16	fi16
54	Dây lạt nhựa 5x300	
55	Dây lạt thép inox 8x200	
56	Gen nhiệt fi 22	fi 22
57	Gen nhiệt fi 6	fi 6
58	Phốt xếp giáp	
59	Bàn chải thép không gỉ	
60	Bát doa	
61	Bếp hàn nhôm	
62	Lưỡi cắt nhôm	100mm
63	Chụp sứ 6	
64	Chụp sứ 7	
65	Chụp sứ 8	
66	Điện cực hàn 3.2	
67	Lưỡi cắt đá	
68	Đế kê xuống bằng gỗ	
69	Tem xuống	KT: (120x65)mm, chất liệu nhôm
70	Bả Matits	
71	Ráp 80	
72	Bả tròn	

73	Băng dính nhựa	
74	Băng dính giấy	
75	Bơi chèo cán inox	Mái chèo bằng nhôm, cán bằng inox
76	Man G1/2	Chất liệu inox
77	Van Tay gạt 1/2	Chất liệu inox
78	T nối ống	Ø10, chất liệu đồng
79	Nối ống	Một đầu ren G1/2, một đầu nối ống đồng Ø10, chất liệu đồng
80	Ống đồng fi 10x1	fi 10x1
81	Gioăng cao su	fi 21
82	Man	fi 21, chất liệu đồng
83	Ống lõi thép fi 25	fi 25
84	Ống nhựa lõi thép	lòng trong fi 16
85	Quai nhê	
86	Quai nhê 70	
87	Quai nhê bulong fi 65	fi 65
88	Vòng bi inox	fi 21, chất liệu inox
89	Vòng đai xiết	fi 1
90	Cút ren nhôm fi 21	fi 21
91	Giắc co ba chạc fi 10	fi 10
92	Chân 21 ra ống 10 có bấp	
93	Kính thăm	L=218
94	Thông hơi phòng hoả	chất liệu inox
95	Ống dầu fi 38	fi 38
96	Đầu đỡ nhiên liệu	
97	Mỡ chống va	KT: 60x70, cao su đúc, 14m/sợi
98	Đầu bịt mỡ	
99	Gioăng xoắn	Cao su
100	Gioăng luồn dây điện fi 30	fi 30
101	Khung dàn bạt + bạt che	Inox, 01 bạt simili che mái và 01 bạt simili che cánh
102	Aptomat 2 cực (khởi) 60A	60A

103	Cầu chì hộp 32A	32A
104	Cầu đầu 12 mắt 20A	12 mắt 20A
105	Thanh cài + khóa thanh cài	
106	Cáp điện cao su 2x1.5	Kích thước: 2x1.5, chịu nhiệt, chịu dầu, không lan truyền cháy
107	Cáp điện cao su 2x2.5	Kích thước: 2x2.5, chịu nhiệt, chịu dầu, không lan truyền cháy
108	Cáp điện 1x25	1x25
109	Dây điện đơn 1x1.5	Kích thước: 1x1.5, chịu nhiệt, chịu dầu, không lan truyền cháy
110	Rơ le	14C/12V+ đế
111	Bảng điện nhôm	KT: 120x90, bằng nhôm, được sơn tĩnh điện
112	Công tắc gạt	4 chân, inox
113	Đèn ốp trần	12V
114	Còi điện	12V
115	PG 13.5	Chất liệu inox
116	PG 21	Chất liệu inox
117	Cút ren nhôm fi 21	fi 21
118	Ống ruột trong fi 25	fi 25
119	Máng nhựa chạy dây điện	Kích thước: 25x25 (mm)
120	Giắc nối đực cái	6 chân
121	Tấm bọc trần , vách nội thất nhôm nhựa	
122	Gỗ nhóm 2	
123	Gỗ gián	5mm
124	Tủ thuốc	Kích thước: 100x300x300 (mm)
125	Gioăng nẹp nhôm (Gioăng chữ H)	Chất liệu cao su
126	Keo sika	
127	Giá để chai, cốc	
128	Giấy giáp cuộn	
129	Đai buộc hộp composit ắc quy	
130	Dây neo	fi 12, nilon, 40m 1 sợi
131	Phao tròn	Loại 2.5kg

132	Phao áo	Có còi và tấm phản quang
133	Hình thoi màu đen	Đường kính 0.3m
134	Hình tròn màu đen	Đường kính 0.3m
135	Bình bột xách tay MFZ2	
136	Bình MT3	
137	Chăn dập cháy	Kích thước: 1600x1400xdày 3.5 (mm)
138	Xô múc nước có dây	Đường kính miệng 25cm, cao 19cm, bằng tôn
139	Rìu	
140	Đồng hồ tàu (đồng hồ xem giờ)	
141	Thước đo sâu	
142	Thước đo độ nghiêng	
143	Ống nhôm	Kích thước 7x50
144	Máy thu thanh (Radio)	
145	Cầu tàu lên xuống	Gỗ bản, kích thước: 250x2000 (mm)
146	Bộ đồ mộc	Cưa, đục, tràng
147	Nêm gỗ	KT: (1900x90x15)mm
148	Gỗ Thanh	KT: (2100x80x80)mm
149	Bạt cứu đuối	Kích thước: (1500x2000x3)mm
150	Cờ tổ quốc	
151	Cờ chữ K	
152	Dây nilon	fi 12x10m/sợi
153	Can nhựa dự phòng	20L
154	Bộ cờ hàng hải	
155	Bình ắc quy	12v-70Ah, kèm đầu bọp

1.3. Các yêu cầu khác: Không có

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Kiểm tra hàng hóa trước khi giao nhận, hàng hóa đảm bảo chất lượng sẽ được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng